Kết quả tài chính và cơ cấu thu nhập tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Ngày nhận: 07/05/2013
Ngày nhận lại: 21/05/2013
Ngày duyệt đăng: 27/05/2013
Mã số: 05-13-BF-03

Nguyễn Thị Loan
Trường Đại học Ngân hàng
loan.dhnh@gmail.com

Tóm tắt

Trong phạm vi bài viết, tác giả sử dụng phương pháp phân tích chỉ số để phân tích mối quan hệ giữa kết quả quả tài chính và cơ cấu thu nhập của các NHTM VN từ năm 2007 – 2011. Nghiên cứu cho thấy kết quả tài chính của các NH phụ thuộc quá nhiều vào hoạt động tín dụng vì vậy lợi nhuận tiềm ẩn rủi ro cao từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao năng lực tài chính và cơ cấu lại thu nhập tại các NHTM VN theo hướng kiểm soát thu nhập tín dụng và phát triển thu nhập dịch vụ phi tín dụng.

Từ khóa: Kết quả tài chính ngân hàng, thu nhập ngân hàng.

Abstract

In this paper, the author uses the index analysis to explore relationships between financial performance and structure of incomes in Vietnamese commercial banks in the years 2007-2011. Research results show that financial performance of most commercial banks is mainly determined by lending services, which implies that their profits involves high degrees of risk. The paper, therefore, can suggest some measures to improve financial strength and adjust the structure of incomes for commercial banks by controlling income from lending service and developing sources of income from non-lending services.

Keywords: Banking financial performance, banking income

1. Giới thiệu

Phân tích kết quả tài chính NH nói chung và cơ cấu thu nhập tại NHTM nói riêng có vai trò quan trọng, hỗ trợ cho các nhà quản trị NH đưa ra các quyết định về tổ chức và chính sách, biện pháp góp phần nâng cao năng lực tài chính, cơ cấu lại hoạt động, tác động đến từng phân khúc khách hàng, sản phẩm dịch vụ thông qua đó mang lại thu nhập tối ưu, kiểm soát thu nhập tiềm ẩn quá nhiều rủi ro như thu nhập từ hoạt động tín dụng NH.

2. Thu nhập của ngân hàng

Kết quả tài chính ngân hàng thể hiện cơ cấu quy mô tài sản, nguồn vốn và lợi nhuận (hoặc lỗ) của NH được trình bày trong hệ thống báo cáo tài chính ngân hàng trong đó quy mô tài sản, nguồn vốn (trình bày trong Bảng cân đối kế toán) và lợi nhuận hoặc lỗ (trình bày trong Bảng báo cáo kết quả kết doanh). Kết quả tài chính NH được ghi nhận chủ yếu theo Chuẩn mực kế toán số 22 "Trình bày báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự" và Chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán, quy định kèm theo.

Thu nhập NH là cấu thành của lợi nhuận NH được ghi nhận dựa trên Chuẩn mực kế toán số 14 - doanh thu và Chuẩn mực kế toán số 1 trong đó có nguyên tắc kế toán phù hợp. Thu nhập NH được ghi nhận theo lợi ích kinh tế tăng lên trong kì kế toán khi hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Thu nhập của NH chủ yếu bao gồm thu nhập từ hoạt động tín dụng, thu nhập từ hoạt động phi tín dụng như dịch vụ thanh toán, ủy thác, tư vấn, kinh doanh ngoại hối và thu nhập khác v.v..

Phân tích, đánh giá kết quả tài chính, cơ cấu thu nhập NH bằng phương pháp chỉ số thông qua kết hợp các chỉ tiêu tài chính được các NHTM VN thực hiện thường xuyên và định kì để đánh giá mức độ thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, đánh giá năng lực tài chính, mức độ rủi ro từ hoạt động chứa đựng trong cơ cấu thu nhập NH, mức độ phân tán rủi ro và khả năng đa dạng hóa thu nhập của NH góp phần đưa ra các biện pháp nhằm thực hiện được mục tiêu và chiến lược đặt ra.

3. Phương pháp và dữ liệu phân tích

Để thực hiện nội dung nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp phân tích định tính bằng các chỉ số thể hiện qua các bảng số liệu, hình vẽ.

Dữ liệu phân tích được lấy từ các nguồn: Ngân hàng Nhà nước (NHNN), website của các NHTM, Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, ... công bố trong giai đoạn từ năm 2007 - 2011.

Bài viết đánh giá kết quả tài chính và thu nhập của các NHTM VN trong khoảng thời gian 5 năm từ năm 2007 – 2011.

4. Phân tích kết quả tài chính và cơ cấu thu nhập tại các NHTM VN

4.1. Kết quả tài chính tại các NHTM VN

Kết quả tài chính của NHTM thể hiện qua nhiều chỉ tiêu, những chỉ tiêu chủ yếu như quy mô vốn, tài sản, tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu, lợi nhuận, tỉ lệ nợ xấu, dự phòng rủi ro tín dụng... Phân tích kết quả tài chính của các NHTM VN cho thấy:

** Về quy mô vốn điều lệ, tài sản của NHTM VN:*

So sánh quy mô vốn điều lệ, tổng tài sản giữa các NHTM VN, có thể chia thành ba nhóm:

- Nhóm NH có vốn điều lệ, tài sản lớn: Tổng tài sản từ 100.000 tỉ đồng trở lên gồm: Sacombank, ACB, Vietcombank, Vietinbank, Eximbank, Techcombank, MBBank, Maritime Bank, BIDV, Agribank.
- Nhóm NH có vốn điều lệ, tài sản vừa: Tổng tài sản từ 50.000-100.000 tỉ đồng bao gồm: SHB, LienVietPostBank, SCB, Southern Bank, VPBank, OceanBank, VIB Bank, Đông Á Bank, SeABank (Ghi chú: SHB, SCB sau khi gia nhập có vốn điều lệ và tổng tài sản trên 100.000 tỉ đồng).
- Nhóm có vốn điều lệ, tài sản quy mô nhỏ: Tổng tài sản nhỏ hơn 50.000 tỉ đồng gồm: HDBank, OCB, Sài Gòn Công Thương, ABBank, Kiên Long Bank, Đại Á, Việt Á, Nam Á, Bảo Việt, VN Thương Tín, PG Bank, Bắc Á, MDB, MHB, Tiên Phong Bank, VietCapital,TrustBank, WesternBank.

Các NHTM VN đều đủ vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của VN. Quy mô tổng tài sản và vốn điều lệ của các NHTM được thể hiện qua Hình 1.

Tuy nhiên, số liệu của Bảng 1 và Hình 1 cho thấy vốn điều lệ trung bình hiện nay của 3 NHTM lớn ở VN hơn 646 triệu USD, thấp hơn nhiều so với các quốc gia trong khu vực.

Bảng 1. Quy mô vốn của một số ngân hàng trong khu vực năm 2010

ĐVT: Triệu USD

Quốc gia	Vốn	Quốc gia	Vốn
Indonesia		**Malaysia**	
Bank Mandiri	3.119	Maybank Islamic Berhad	982
Bank BNI	3.010	Public bank (PBB)	4.881
Bank central Asia	2.980	Bank Islam Malaysia	669
Việt Nam		**Thái Lan**	
Vietinbank	778	Bangkok Bank	5.584
ACB	481	Siam Commercial Bank	4.068
Vietcombank	679	Kasikornbank	3.510
Philippines		**Singapore**	
Bank of Philippine Islands	1.550	DBS Bank	21.378
Metropolitan Bank Et Trust Company	1.541	United Overseas Bank	12.703
Equytable PCI Bank	464	Oversea - Chinese Banking Corp	13.310

Nguồn: www.thebanker.com/top1000

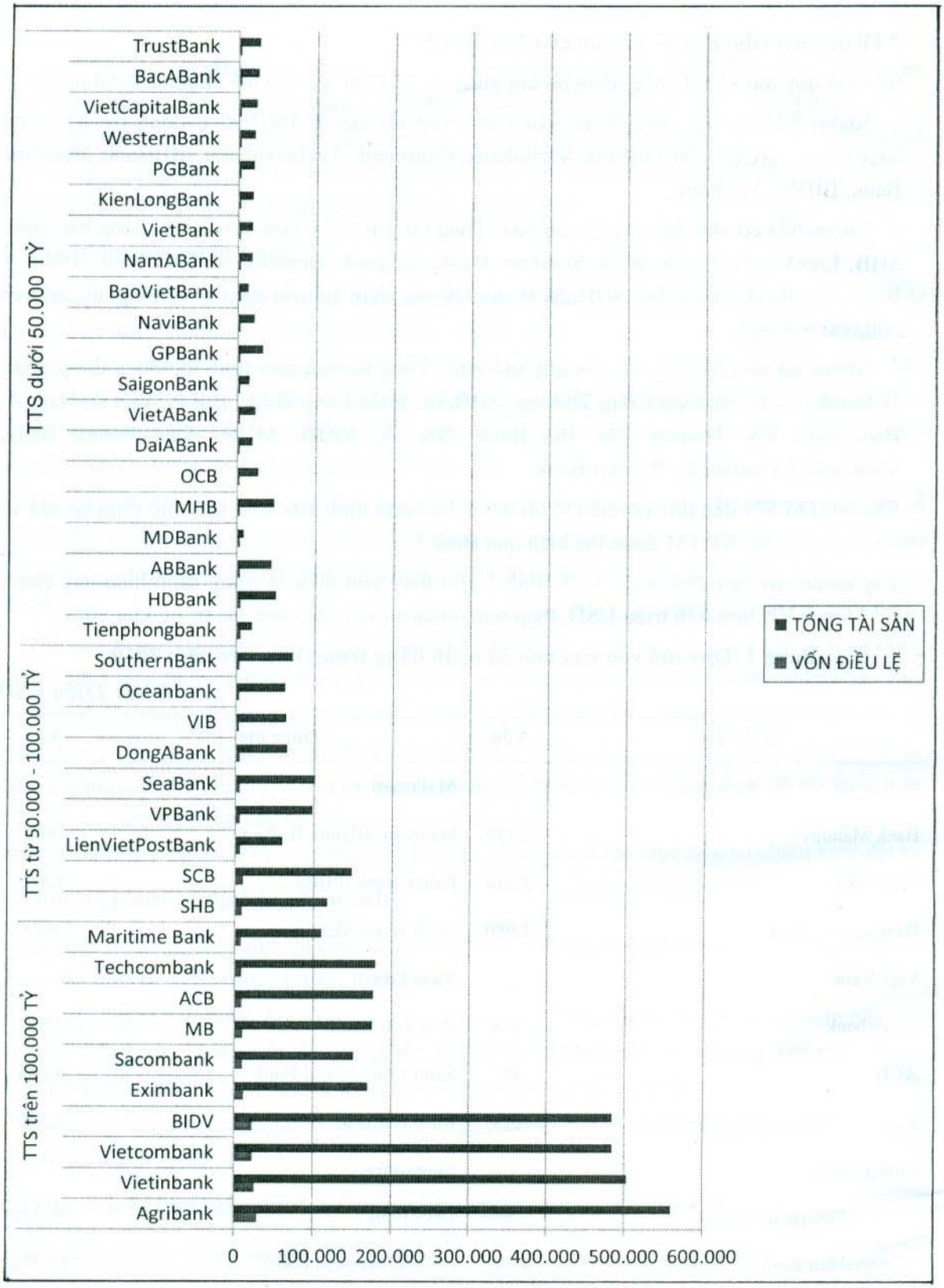

Hình 1. Quy mô vốn điều lệ và tổng tài sản NHTM năm 2011

Nguồn: Báo cáo tài chính (BCTC) của NHTM năm 2011 và tính toán của tác giả

Quy mô vốn trung bình của các NH Thái Lan hơn 4,3 tỉ USD, Singapore hơn 15,7 tỉ USD, Malaysia hơn 2,2 tỉ USD, Philippines hơn 1,1 tỉ USD và các NH Indonesia hơn 3 tỉ USD.

Quy mô vốn nhỏ là một cản trở rất lớn cho sự phát triển quy mô tài sản theo quy định về tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu trong cạnh tranh mở rộng hoạt động, thị phần hoạt động của NHTM VN so với các NH nước ngoài trong xu hướng hội nhập. Vì vậy, hầu hết các NHTM VN đều chịu áp lực tăng vốn điều lệ, đặc biệt với các NHTM nhỏ là một sức ép rất lớn không chỉ trong năm 2011 mà còn kéo dài trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, tổng tài sản của các NH TMCP hàng đầu ở VN cũng nhỏ hơn nhiều so các NHTM nước ngoài, ở đây là các NHTM Thái Lan.

Bảng 2. Quy mô tổng tài sản của 5 NH lớn nhất Thái Lan (tính đến 31/12/2010).

TT	TÊN NGÂN HÀNG	TỔNG TÀI SẢN	
		Tỉ Baht	Tỉ USD
1	Bangkok Bank	1.950	48,7
2	Krungthai Banks	1.756	43,9
3	Siam Commercial Bank	1477	36,9
4	Kasikorn Bank	1.552	38,8
5	TMB Bank	590	14,7

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất của các ngân hàng

Bình quân tổng tài sản của các NHTM VN đạt gần 6 tỉ USD, trong khi con số này ở các NH Thái Lan là 36,6 tỉ USD, tức là thấp hơn gần 4,6 lần.

*Tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHTM VN

Bảng 3. Tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHTM VN

STT	Ngân hàng	2009	2010	2011	STT	Ngân hàng	2009	2010	2011
1	Á Châu	9,73	10,60	9,25	18	Nam Á	19,24	18,04	20,24
2	NN&PTNT	-	6,14	8,0	19	Nam Việt	-	19,47	17,18
3	An Bình	-	-	14,0	20	PGBank	12,90	20,60	16,70
4	Bảo Việt	35,20	21,60	22,0	21	Phương Đông	29,71	20,59	24,80
5	Đầu tư &PT	9,53	9,32	11,07	22	Phương Nam	-	-	11,70
6	Liên Việt	-	-	-	23	Phương Tây	-	-	-
7	Đại Á	-	-	-	24	Quân Đội	12,0	12,90	9,59
8	Đại Dương	9,59	9,45	11,74	25	Sacombank	11,41	9,97	11,66
9	Đông Á	10,64	10,84	10,01	26	Sài Gòn	11,54	10,32	-
10	Eximbank	26,87	17,79	12,94	27	SaigonBank	15,87	16,26	22,83
11	Habubank	15,00	12,29	16,46	28	SHB	12,0	13,81	13,37

12	Hàng Hải	-	9,12	-	29	Đại Tín	-	-	-
13	HDBank	-	12,71	15,0	30	Quốc Tế	8,60	-	14,48
14	Kiên Long	-	-	-	31	Việt Á	-	-	-
15	Kỹ Thương	9,60	13,11	11,43	32	Ngoại Thương	8,11	8,37	11,04
16	MDB	44,40	37,30	55,90	33	Công Thương	8,06	9,4	10,57
17	MHB	-	-	-	34	VPBank	-	-	-

Nguồn : BCTC các NHTM VN và tính toán của tác giả

Bảng 3 cho thấy nhìn chung các ngân hàng đều đạt mức tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu trên 9% theo quy định của VN (Thông tư số 13/2010/TT-NHNN - quy định về các tỉ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD tiếp cận theo Basel II). Nhưng nếu theo tiêu chuẩn Basel III thì hệ số CAR được quy định nâng lên ở ngưỡng 13% để đảm bảo khi nền kinh tế có biến động, một số NHTM VN có thể đạt được nhưng các NHTM quy mô vốn nhỏ sẽ rất khó khăn để vươn tới hệ số CAR theo tiêu chuẩn của Basel III. Thêm vào đó, hoạt động NH VN chủ yếu dựa vào hoạt động tín dụng nhưng với tỉ lệ nợ xấu cao (Hình 1) thì tỉ lệ CAR của các NHTM VN sẽ bị điều chỉnh giảm nhiều do phải trích lập dự phòng rủi ro tín dụng từ chi phí dẫn đến lợi nhuận NH giảm kéo theo vốn tự có của NH sẽ giảm sút theo. Vì vậy, trước yêu cầu hội nhập đòi hỏi các ngân hàng VN phải tiếp tục nâng cao hệ số CAR của mình.

*Lợi nhuận và khả năng sinh lời:

Bảng 4. Lợi nhuận tại các NHTM VN

Đơn vị: Tỉ đồng

STT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
1	Thu nhập từ hoạt động TD	46.838	53.564	56.531	86.987	134.819
2	Lãi thuần từ hoạt động phi TD	13.504	17.282	22.842	24.548	16.425
3	Chi phí dự phòng rủi ro TD	28.016	26.488	14.650	23.237	37.296
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí rủi ro TD	43.326	49.805	49.529	67.590	93.318
5	Lợi nhuận trước thuế	15.310	23.317	34.879	44.353	56.022

Nguồn: Báo cáo thường niên của các NHTM VN và tính toán của tác giả

Điều đáng ghi nhận là các NHTM VN đều kinh doanh có lợi nhuận (Bảng 4). Các chỉ số tỉ suất lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA), tỉ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đều có xu hướng tốt hơn. Chỉ số ROA trên 1% và ROE đa phần ở mức trên 10%.

Hai chỉ số quan trọng phản ánh hiệu quả kinh doanh và tỉ suất sinh lời của các TCTD là ROA và ROE năm 2011 ở mức thấp hơn năm 2010. ROA trung bình của ngành năm 2011 đạt 1,09% và ROE đạt 11,86%, từ mức lần lượt là 1,29% và 14,56% năm 2010. Nếu so sánh 2 chỉ số này của ngành ngân hàng với 10 ngành khác của nền kinh tế theo thống kê phân ngành cấp 1 các doanh nghiệp niêm yết cho thấy ROE ở mức trung bình (thứ 6/10) và ROA ở mức thấp nhất.

Điểm đáng lưu ý về lợi nhuận của các ngân hàng trong năm 2011 là có sự chênh lệch khá lớn giữa một số TCTD. Lợi nhuận của hệ thống tăng chủ yếu do sự tăng trưởng của một số ngân hàng có quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lớn, có năng lực điều hành và quản trị rủi ro tốt, hoạt động an toàn, hiệu quả. Trong khi nhiều TCTD thuộc nhóm có quy mô nhỏ, quản trị điều hành yếu kém, thiếu sức cạnh tranh trên thị trường phải huy động với lãi suất cao cộng với nợ xấu gia tăng mạnh nên đã có kết quả kinh doanh rất thấp so với kế hoạch đặt ra trong năm 2011.

Bảng 5. So sánh các chỉ số ROA, ROE một số ngân hàng năm

Chỉ tiêu	NHÓM 3					NHÓM 1		NHÓM 2
	VietA Bank	OCB	Southern Bank	Trust Bank	NaVi Bank	Exim Bank	MB	LVB
LN sau thuế	248	303	226	164	166	3,039	1,915	977
Tổng TS BQ	22,513	25,424	69,991	27,130	22,496	157,339	124,227	45,559
Vốn CSH BQ	3,576	3,752	4,017	3,219	3,216	14,907	9,262	5,350
ROA	1,06%	1,34%	0,35%	0,70%	0,78%	1,93%	1,54%	2,14%
ROE	7,12%	8,82%	5,96%	5,07%	6,35%	20,39%	20,68%	18,26%

Nguồn: BCTC các ngân hàng và tính toán của tác giả

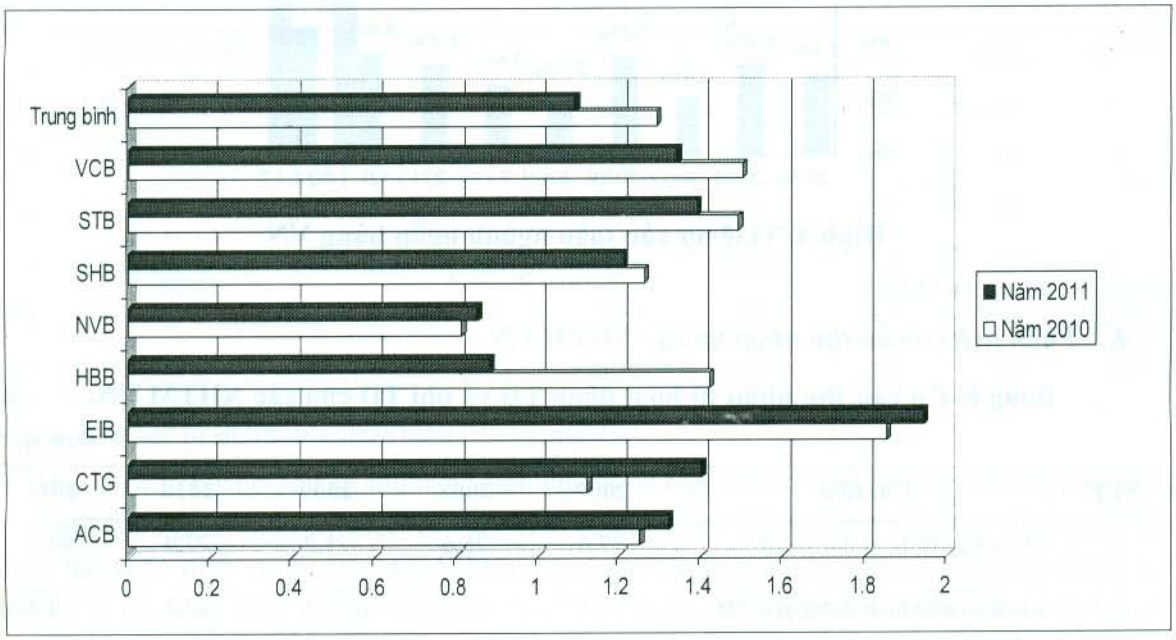

Hình 2. ROA của các ngân hàng đang niêm yết

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ BCTC của 8 ngân hàng năm 2010, 2011

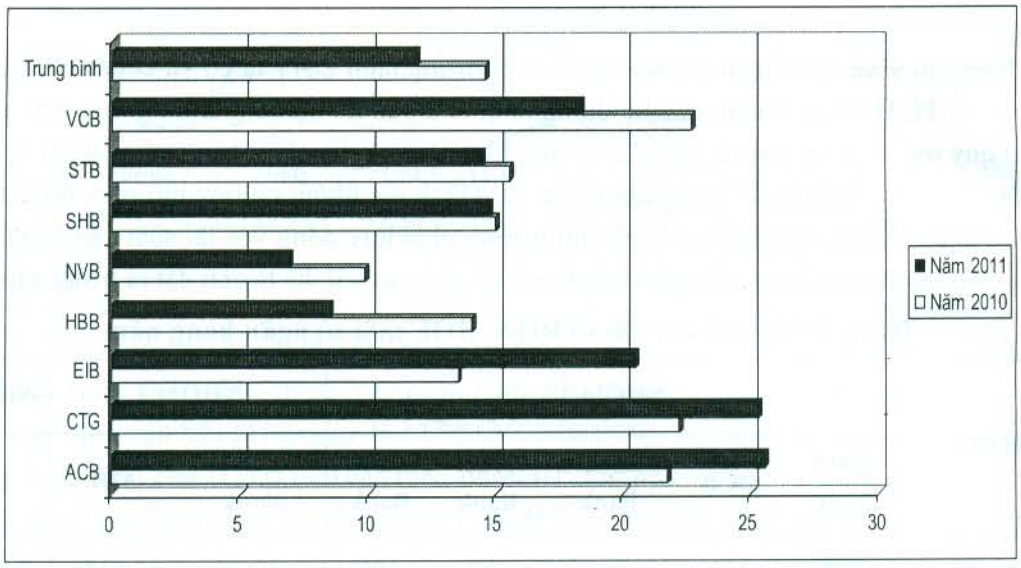

Hình 3. ROE của các ngân hàng đang niêm yết

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC của 8 ngân hàng niêm yết năm 2010, 2011

*Tỉ lệ nợ xấu của NHTM VN:

Quy mô tài sản của NHTM VN tăng trưởng mạnh nhưng chủ yếu là từ hoạt động tín dụng, tuy NH có lợi nhuận nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do nợ quá hạn, nợ xấu của NH cũng tăng mạnh (Hình 3) dẫn đến chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng cao (Bảng 4).

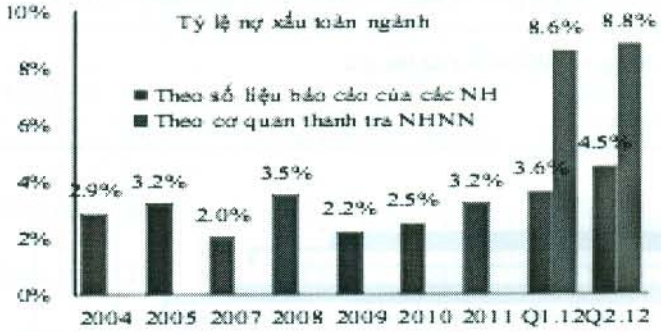

Hình 4. Tỉ lệ nợ xấu toàn ngành ngân hàng VN

Nguồn: vcbs.com.vn (2012)

4.2. Phân tích cơ cấu thu nhập tại các NHTM VN

Bảng 6. Cơ cấu thu nhập từ hoạt động TD và phi TD của các NHTM VN

Đơn vị: %

STT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
1	Thu nhập từ hoạt động TD	77,6	75,6	71,2	77,9	89,1
2	Lãi thuần từ hoạt động phi TD	22,4	24,4	28,8	22,1	10,9
3	Thu nhập NH	100	100	100	100	100

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC của ngân hàng thương mại VN và tính toán của tác giả

Bảng 6 cho thấy thu nhập từ hoạt động TD tại các NHTM VN chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng thu nhập NH so với thu nhập từ hoạt động phi TD và có xu hướng tăng dần qua các năm, trong khi đó lãi thuần từ hoạt động phi TD lại giảm mạnh vào năm 2011 chỉ chiếm tỉ trọng 10,9 % trong tổng thu nhập ngân hàng.

Bảng 7. Hệ số thu nhập lãi biên (NIM) của NHTM VN năm 2011

	NHÓM 3				NHÓM 1			NHÓM 2	
	VietA Bank	OCB	Southern Bank	Trust Bank	NaVi Bank	Exim bank	MB	VIB	LVB
NIM	2,93%	4,05%	0,35%	2,34%	4,12%	3,75%	4,06%	4,10%	4,20%

Nguồn: Tính toán từ BCTC của các NHTM

Hệ số NIM được sử dụng để đo lường mức chênh lệch giữa thu từ lãi và chi phí lãi của ngân hàng. Tỉ lệ này đo lường khả năng sinh lời cơ bản từ hoạt động cho vay của đơn vị theo mức tài sản có sinh lời bình quân. Tỉ lệ này cao cho thấy tỉ lệ lãi tạo ra trên tài sản sinh lời cao. Thu nhập từ chênh lệch giữa hoạt động cho vay và huy động khá lớn là NH Phương Đông, NH Nam Việt. Tuy nhiên đó là rủi ro cho NHTM quy mô nhỏ khi tập trung hoạt động cho vay vào một thị trường bất động sản. NIM của ngân hàng quy mô nhỏ thường nhỏ hơn ngân hàng quy mô lớn do ngân hàng lớn có lợi thế từ việc huy động vốn với chi phí thấp hơn.

4.3. Phân tích cơ cấu lãi thuần từ dịch vụ phi TD

Bảng 8. Tỉ trọng cơ cấu lãi thuần từ dịch vụ phi TD tại các NHTM

Đơn vị: %

STT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
1	Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán	15,7	24,2	36,8	46,67	62,36
2	Lãi thuần từ dịch vụ ngân quỹ	1,8	2,4	3,4	6,2	8,8
3	Lãi thuần từ dịch vụ ủy thác	0,3	0,5	1	3,2	3
4	Lãi thuần từ dịch vụ tư vấn	0,2	0,1	1,4	0,9	0,2
5	Lãi thuần từ dịch vụ kinh doanh ngoại hối	58,5	49,8	31,9	15,4	2,1
6	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ khác	23,5	23	25,5	27,63	23,54
7	Lãi thuần từ dịch vụ phi TD	100	100	100	100	100

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC của ngân hàng thương mại VN

Bảng 8 cho thấy cơ cấu lãi thuần từ dịch vụ phi TD tại các NHTM VN khá đa dạng từ dịch vụ thanh toán, ngân quỹ, ủy thác, tư vấn, kinh doanh ngoại hối và dịch vụ khác. Trong đó, lãi thuần thu về từ dịch vụ thanh toán chiếm tỉ trọng cao và tăng dần qua các năm trong khi đó lãi thuần từ dịch vụ ủy thác, tư vấn không đáng kể. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối có xu hướng giảm mạnh.

Trong những năm gần đây, các NHTM VN đã và đang tập trung khai thác thị trường bán lẻ thông qua việc mở rộng mạng lưới hoạt động, gia tăng việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân

hàng đến cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ ngân hàng, phát triển nhiều dịch vụ mới đa dạng về tiện ích như các dịch vụ ngân hàng trực tuyến (Internet banking, Home banking, SMS banking, Mobile banking), dịch vụ ATM cung cấp nhiều tiện ích về rút tiền, chuyển khoản, dịch vụ thanh toán qua POS, thẻ tín dụng, thu đổi ngoại tệ.... điều này đã góp phần làm cho thu từ dịch vụ thanh toán tại ngân hàng chiếm tỉ trọng cao trong tổng thu nhập dịch vụ phi tín dụng.

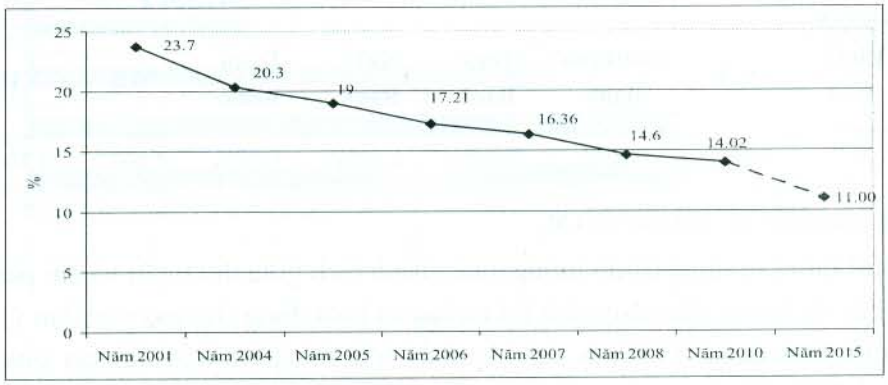

Hình 5. Tỉ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán

Nguồn: Báo cáo thường niên NHNN năm 2011

Tỉ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán trong vòng 10 năm qua tại VN giảm mạnh từ mức 23,7% năm 2001 xuống 14,6% năm 2008 (tức là đã giảm gần 50%) và năm 2009, 2010 vẫn duy trì được xu hướng tích cực này. Tuy tỉ trọng tiền mặt hàng năm đã giảm, nhưng vẫn còn ở mức cao hơn so với thế giới, khi mà tỉ trọng này ở các nước tiên tiến như Thụy Điển là 0,7%, Na Uy là 1%, còn Trung Quốc ở mức 10%. Rõ ràng, tiền mặt vẫn là phương thức thanh toán chủ yếu ở VN, chiếm tỉ trọng lớn trong khu vực công, doanh nghiệp và dân cư. Nhằm hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong thanh toán, Chính phủ đã phê duyệt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg ngày 29/12/2006. Mục tiêu cụ thể là phấn đấu đến cuối năm 2015, tỉ lệ tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán ở mức thấp hơn 11%, nâng số người dân được tiếp cận các dịch vụ thanh toán cũng như tỉ lệ người dân có tài khoản tại ngân hàng lên mức 35-40% dân số.

5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Phân tích kết quả tài chính và cơ cấu thu nhập của các NHTM VN cho thấy có những kết quả tích cực như quy mô tài sản, quy mô vốn có sự tăng trưởng, tỉ lệ an toàn vốn đảm bảo theo quy định về an toàn vốn tối thiểu của VN, các ngân hàng kinh doanh đều có lợi nhuận, cơ cấu thu nhập có sự đa dạng, thu nhập dịch vụ thanh toán có xu hướng tăng trưởng khá tốt. Các NHTM thuộc nhóm 1, nhóm 2 có quy mô tài sản lớn đi kèm với tỉ lệ ROA, ROE cao hơn các NH thuộc nhóm 1, hệ số thu nhập lãi biên của các NH thuộc nhóm 2 cũng cao hơn các NHTM nhóm 1.

Tuy nhiên, kết quả tài chính và cơ cấu thu nhập của các NHTM VN cũng còn những hạn chế như quy mô tài sản tăng chủ yếu là từ hoạt động tín dụng nhưng tỉ lệ nợ xấu khá cao dẫn đến lợi nhuận phụ thuộc nhiều vào thu nhập tín dụng tiềm ẩn nhiều rủi ro có nguy cơ bị giảm sút mạnh do chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cao, điều này cũng ảnh hưởng đến tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu. Bên cạnh đó, vốn của ngân hàng VN còn quá thấp cũng ảnh hưởng đến khả năng chống đỡ rủi ro của NH. Thêm

vào đó, thu dịch vụ phi tín dụng như dịch vụ tư vấn, uỷ thác còn chiếm tỉ trọng quá thấp thể hiện NH chưa khai thác được nhiều từ hoạt động dịch vụ này để góp phần gia tăng thu nhập ít rủi ro cho NH.

6. Biện pháp góp phần nâng cao kết quả tài chính và thu nhập của các NHTM VN

Từ kết quả phân tích trên, tác giả xin đưa ra một số biện pháp góp phần nâng cao kết quả tài chính, cơ cấu thu nhập theo hướng kiểm soát thu nhập tín dụng và nâng cao thu nhập phi tín dụng của các NHTM VN như sau:

6.1. Giải pháp về vốn tự có

Đặc thù của NHTM VN là nhiều về số lượng, nhưng nhỏ về quy mô. Quy mô nhỏ khiến cho các NHTM không đáp ứng được yêu cầu về vốn theo tiêu chuẩn Basel và có tỉ lệ đảm bảo an toàn thấp. Vì vậy, tăng vốn là vấn đề mà các NHTM VN rất quan tâm và bắt buộc phải thực hiện. Dưới đây là một số giải pháp phổ biến để tiến hành tăng vốn tự có:

- Tăng vốn từ lợi nhuận tích lũy

Nếu như lợi nhuận để lại của ngân hàng có thể đáp ứng được nhu cầu gia tăng vốn tự có của mình thì đây chính là nguồn bổ sung vốn tốt nhất. Theo thông lệ quốc tế thì tỉ lệ tài sản tăng lên tương ứng với tỉ lệ vốn tự có tăng lên do phần lợi nhuận để lại được coi là tỉ lệ tăng trưởng bền vững của ngân hàng. Hiện nay hầu hết các ngân hàng bỏ qua hình thức tăng vốn này, vì thực tế nhiều ngân hàng lợi nhuận không nhiều. Điều này chỉ có thể đạt được thông qua các ngân hàng kinh doanh có hiệu quả lợi nhuận cao. Để thực hiện được điều này đòi hỏi các ngân hàng cần phải nâng cao chất lượng tài sản có, tăng thu dịch vụ, kiểm soát chi phí đặc biệt là chi phí về nguồn nhân lực, nhiều ngân hàng chi phí tiền lương thưởng cho đội ngũ quản lí rất cao, song các ngân hàng lại lại làm ăn không hiệu quả (có ngân hàng lợi nhuận thấp, tỉ lệ nợ xấu cao nhưng quản lí NH không những không bị cắt lương, mà còn được thưởng rất cao) v.v..

- Bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Phát hành thêm cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn. Trong giai đoạn hiện nay, khi các kênh đầu tư vốn trong nền kinh tế gặp khó khăn. Đây là biện pháp dễ dàng cho các ngân hàng và là kênh tăng vốn bền vững. Nhưng để thu hút được vốn thuộc kênh này, ngân hàng phải đảm bảo được thu nhập cho người đầu tư là cổ đông hiện hữu. Vì vậy mức rủi ro cho nhà đầu tư đối với cổ phiếu cao hơn nhiều so với gửi tiền, cổ tức của cổ phiếu phải đảm bảo cho nhà đầu tư thu hồi được vốn gốc và có lợi nhuận. Thực tế, thời gian qua có những ngân hàng chi trả với tỉ lệ cổ tức rất thấp thậm chí thấp hơn cả tỉ lệ lãi suất tiết kiệm kì hạn 1 tháng. Các NHTM muốn thực hiện tăng vốn qua kênh này phải thực hiện kinh doanh có hiệu quả để tăng tỉ lệ cổ tức ít nhất là phải bằng lãi suất cho vay.

- Phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông chiến lược nước ngoài

Các cổ đông chiến lược nước ngoài có năng lực tài chính rất lớn, cộng thêm kinh nghiệm quản trị rủi ro, công nghệ ngân hàng hiện đại và các mô hình quản trị hiện đại giúp các NHTM VN phát triển rất nhiều. Các ngân hàng chưa bán và đã bán cổ phần cho đối tác nước ngoài cần quan tâm và phát huy thêm giải pháp này.

- Sáp nhập, hợp nhất ngân hàng

Thực hiện sáp nhập nhằm tái cấu trúc lại hệ thống NH, năng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính đủ khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập là giải pháp diễn ra khá phổ biến trên thế giới như: Deutsche Bank của Đức mua lại Banker Trust của Mỹ; ngân hàng SMFG của Nhật cũng đã kí thoả thuận hợp tác với Bank of China của Trung Quốc và Korea Exchange Bank của Hàn Quốc.

Đây cũng là giải pháp trọng tâm nằm trong đề án tái cấu trúc hệ thống NHTM mà Chính phủ rất quan tâm và các NHTM cũng đang nghiên cứu tiến hành. Các NHTM được quyền đề xuất Chính phủ để được hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện hoạt động sáp nhập, hợp nhất trên cơ sở tự nguyện. Tính tới thời điểm hiện nay, ngoài thương vụ sáp nhập LienViet Bank và Công ty dịch vụ tiết kiệm bưu điện (thuộc Tổng công ty bưu chính viễn thông) thành LienVietPost bank đầu năm 2011, thì thương vụ sáp nhập ba ngân hàng là TMCP Sài Gòn (SCB), TMCP Đệ Nhất và TMCP VN Tín Nghĩa cuối năm 2011, Ngân hàng Sài gòn – Hà nội (SHB) và Ngân hàng Nhà - Hà Nội (HABUBANK) là các thương vụ mở màng cho các hoạt động sáp nhập và hợp nhất trong thời gian tới.

- Phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2

Hiện nay các ngân hàng chủ yếu dùng nguồn vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn, gây căng thẳng thanh khoản dẫn đến rủi ro cho ngân hàng. Các ngân hàng cũng có thể sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu dài hạn để đầu tư. Để phát hành trái phiếu tăng vốn thành công không chỉ ở thị trường nội địa mà còn trên thị trường quốc tế, các NHTM cần thuê tư vấn của một ngân hàng toàn cầu, có uy tín và giàu kinh nghiệm phát hành các công cụ nợ; xây dựng bản cáo bạch đúng theo quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế (đặc biệt là có tư vấn luật quốc tế trong xây dựng bản cáo bạch), quảng bá phát hành trái phiếu tăng vốn và quyết định chính xác giá trái phiếu cũng như thời điểm phát hành phù hợp.

- Nâng tỉ lệ trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và dự phòng tài chính

Trích lập các quỹ dự trữ cũng là giải pháp tăng vốn đối với ngân hàng. Để có nguồn vốn này ngân hàng cần tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro, tăng khả năng sinh lợi để nâng cao lợi nhuận, tạo điều kiện nâng tỉ lệ trích lập các quỹ dự trữ.

Để vốn tự có phát huy được vai trò đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh và thể hiện sức mạnh tài chính của ngân hàng, bên cạnh những giải pháp để tăng vốn tự có đòi hỏi ngân hàng phải có kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả như chỉ đầu tư vào các công ty làm ăn có lợi nhuận cao, các liên doanh hoạt động tốt, từ đó góp phần tăng quy mô vốn tự có hơn nữa.

Tóm lại, nếu thực hiện được các giải pháp đã nêu trên, thì quy mô vốn tự có sẽ ngày càng tăng và tỉ lệ an toàn vốn (CAR) sẽ được cải thiện và có thể đạt được theo thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, ngoài các biện pháp Nhà nước cấp bổ sung vốn điều lệ cho các NHTM nhà nước, các NHTM cổ phần phải chủ động tìm kiếm nguồn, đồng thời tái cơ cấu lại tổ chức hoạt động để tạo nên sự cân đối lành mạnh về tài chính tiến tới đạt tỉ lệ an toàn vốn.

6.2. Biện pháp nâng cao chất lượng tài sản

- Cơ cấu lại danh mục tài sản:

Danh mục tài sản của NHTM VN chủ yếu quá phụ thuộc vào khoản mục tín dụng vì vậy cần đa dạng danh mục tài sản sinh lời hơn.

Với ba "trụ cột" trong hoạt động của hệ thống là tài chính- ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư chứng khoán thì cũng cần chú trọng cải thiện danh mục đầu tư thông qua hoạt động đầu tư góp vốn liên

doanh, đầu tư vào các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả và nhiều tiềm năng phát triển; tham gia góp vốn thành lập công ty cổ phần đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng phát triển và hiệu quả sinh lời cao như bất động sản, tài nguyên và khoáng sản. Các hoạt động đầu tư này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của ngân hàng, điều chỉnh đa dạng cơ cấu tài sản có, lành mạnh hoá bảng tổng kết tài sản.

Để tiếp tục kiểm soát chặt chẽ hoạt động tín dụng, việc giao kế hoạch kinh doanh sẽ dựa trên chi tiết từng danh mục cho vay ngay từ đầu năm. Như vậy, hoạt động quản lí tín dụng phải được thực hiện chi tiết đến từng ngành nghề kinh doanh, từng vùng, từng loại hình sản phẩm.

Các NHTM cần tuân thủ tuyệt đối quy trình thực hiện, cương quyết xử lí những biểu hiện vi phạm kỉ luật điều hành, cần tuân thủ cơ cấu, giới hạn tín dụng đã giao; nâng cao chất lượng thông tin, báo cáo trong quản trị điều hành; lựa chọn các khách hàng loại A*, A, các dự án có chất lượng tốt, hạn chế cho vay thêm dư nợ đối với các khách hàng xếp loại B trở xuống; tăng tỉ lệ cho vay có tài sản đảm bảo, đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro thấp, giảm tỉ trọng cho vay bất động sản, v.v..

Như vậy với các giải pháp đồng bộ trong việc xử lí nợ xấu và kiểm soát tăng trưởng tín dụng, đa dạng hoá danh mục đầu tư nêu trên thì các NHTM có thể cải thiện được chất lượng tài sản trong thời gian tới, góp phần định hướng trở thành các tập đoàn tài chính-NH đa năng tại VN.

- Tăng cường vận dụng các quan điểm hiện đại trong quản lí rủi ro hoạt động tín dụng

Nền kinh tế có những biến động khôn lường thì quản lí rủi ro càng phải được quan tâm hàng đầu. Theo một số chuyên gia, các ngân hàng thương mại thường gặp phải 4 loại rủi ro chính là rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro tác nghiệp và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thanh khoản không chỉ có rủi ro trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, các yêu cầu rút tiền tiết kiệm của người gửi tiền. Rủi ro thanh khoản còn được tính đến là rủi ro từ việc thiếu vốn để cấp tín dụng. Các ngân hàng thương mại phải huy động vốn bằng mọi giá, làm tăng chi phí và làm giảm lợi nhuận. Hơn nữa, nếu ngân hàng không huy động được vốn để cho vay thì mất cơ hội cấp tín dụng, khi đây là khách hàng tốt.

Rủi ro về tác nghiệp xoay quanh bốn nguyên nhân chính là con người, hệ thống thông tin, quy trình và do khách quan. Những rủi ro này trong tình hình hiện nay càng trở nên phổ biến. Ví dụ: Cán bộ tín dụng là người trực tiếp giải quyết việc cho vay nên khó tránh khỏi những tiêu cực dẫn đến rủi ro. Điều đó dẫn đến các khoản vay tiềm ẩn nhiều rủi ro, thậm chí ngay cán bộ tín dụng cũng lại là người lừa đảo ngân hàng, đây có thể là rủi ro không nhỏ cho ngân hàng, các phương tiện thông tin cũng đưa tin rất nhiều về việc cán bộ tín dụng tiếp tay hay trực tiếp lừa đảo ngân hàng lên đến hàng trăm tỉ đồng.

Rủi ro thị trường như rủi ro từ lãi suất, tỉ giá, chứng khoán và các sản phẩm hàng hóa phái sinh. Sự biến động lãi suất không ngừng trong suốt 1 năm vừa qua cũng đã cảnh báo nhiều ngân hàng về rủi ro thị trường. Nhiều khoản tín dụng trung và dài hạn được cấp bằng nguồn vốn ngắn hạn, khi lãi suất tiền gửi tăng cao, thậm chí có lúc lãi suất vay trên thị trường liên ngân hàng lên đến 40-50% thì rủi ro rất lớn cho các ngân hàng thương mại, hay những đợt giải chấp cổ phiếu cầm cố có tác động không nhỏ đến TTCK.

Rủi ro tín dụng hiện không chỉ được hiểu là rủi ro khi khách hàng không trả được nợ. Thực tế thì còn một loại rủi ro tín dụng khác là rủi ro danh mục. Rủi ro danh mục tín dụng là trong khi cấp tín

dụng, các ngân hàng thương mại tập trung quá nhiều vào một loại tín dụng, không đa dạng hóa mà thường "bỏ trứng vào một giỏ". Nhiều ngân hàng thương mại hiện gặp phải vấn đề này khi mà dư nợ cho vay bất động sản quá cao và thị trường bất động sản có những biểu hiện suy giảm, mất thanh khoản.

Quản lí rủi ro trong hoạt động tín dụng không chỉ có rủi ro tín dụng, mà còn nhiều loại rủi ro khác đối với các ngân hàng thương mại. Vì vậy, quản trị rủi ro cần có các chính sách, biện pháp để chống đỡ, hạn chế nhiều loại rủi ro cho ngân hàng.

6.3. Giải pháp nâng cao khả năng sinh lời

- Điều chỉnh cơ cấu thu nhập:

Theo hướng giảm tỉ trọng từ cho vay để giảm bớt sự phụ thuộc vào kênh tín dụng. Giải pháp có thể thực hiện là phát triển và đẩy mạnh lợi nhuận từ các dòng sản phẩm, dịch vụ hiện có nhưng chưa được coi trọng như:

+ Sản phẩm bảo hiểm liên kết ngân hàng (Banca): Đây là sản phẩm không có rủi ro mà còn đem lại lợi nhuận rất lớn cho ngân hàng. Hiện nay, các NH nước ngoài đã triển khai gói sản phẩm này và đạt được nhiều thành công.

+ Sản phẩm tài khoản vãng lai, tài khoản tiền lương: Gói sản phẩm này không mới nhưng nó đem lại nhiều lợi ích cho ngân hàng từ việc tận dụng được các nguồn tiền nhàn rỗi trong các tài khoản vãng lai. Đánh giá đúng vai trò của sản phẩm này, mà các NH nước ngoài đã cho gói sản phẩm này nhiều lợi ích như lãi suất tài khoản vãng lai rất cao khoảng 6%/năm, hoặc chương trình hoàn tiền 5% khi mua sắm bằng thẻ debit, v.v.. Ngoài ra, việc giới thiệu sản phẩm tài khoản tiền lương này, các ngân hàng có cơ hội tiếp cận với nguồn khách hàng để phát triển thêm các sản phẩm khác đi kèm của ngân hàng như bảo hiểm liên kết ngân hàng (Banca), vay tiêu dùng tín chấp cho nhân viên, vay thế chấp, v.v..

+ Các dịch vụ khác như dịch vụ chứng minh tài chính du học hay trung gian thanh toán trong mua bán bất động sản cũng là nguồn thu cao, không rủi ro.

+ Nghiên cứu dịch vụ tư vấn của các công ty bảo hiểm để nâng cao dịch vụ tư vấn theo từng phân khúc khách hàng, theo từng loại hình sản phẩm thong qua lợi ích mang lại cho khách hàng sẽ góp phần nâng cao thu nhập NH từ phí dịch vụ tư vấn.

Các NHTM cần đầu tư nghiên cứu và phát triển thêm các dòng sản phẩm và dịch vụ mới (ngoài tín dụng) để điều chỉnh cơ cấu thu nhập của ngân hàng.

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí:

Ngoài các biện pháp nâng cao chất lượng tài sản và tín dụng, giảm thiểu các khoản nợ không sinh lời thì việc kiểm soát chặc chẽ chi phí cũng là những giải pháp góp phần nâng cao khả năng sinh lời và giảm tỉ lệ chi phí / thu nhập của ngân hàng.

Chi phí của ngân hàng được phân thành hai loại: Chi trực tiếp cho hoạt động kinh doanh như chi trả lãi tiền gửi, lãi tiền vay, các khoản phí nghiệp vụ, v.v. và chi cho hoạt động quản lí như chi về lương cho nhân viên, chi về tài sản, trang thiết bị, các khoản thuế và lệ phí, v.v..

+ Về các chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh: Chi phí về trả lãi là chi phí chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng chi phí, vì vậy để có chi phí thấp, cần tăng huy động từ các nguồn tiền nhàn rỗi của doanh nghiệp - nguồn vốn có chi phí thấp và duy trì khoản huy động vốn từ dân cư - là nguồn

vốn ổn định. Do đó, để tăng huy động vốn từ nguồn vốn rẻ, phải tăng cường đa dạng hoá các loại hình dịch vụ với chất lượng cao để từ đó tăng nguồn tiền gửi thanh toán. Đồng thời để thỏa mãn nhu cầu vốn đầu tư của mình trong môi trường cạnh tranh gay gắt, cần phải đưa ra nhiều hình thức huy động hấp dẫn và chính sách về lãi suất huy động phù hợp trong từng thời kì.

+ Về chi phí hoạt động quản lí: Trong những năm vừa qua, chi phí hoạt động tăng lên tương ứng với sự tăng lên của doanh thu tuy nhiên tốc độ tăng của chi phí (23%) thấp hơn tốc độ tăng của doanh thu (30%) và tương đối ổn định qua các năm. Trong thời gian tới cần tiếp tục duy trì kiểm soát chi phí hoạt động quản lí này nhằm tối đa hoá lợi nhuận.

Bài viết chủ yếu sử dụng phân tích chỉ số để đánh giá kết quả tài chính và thu nhập NH tại VN đến 2011 và đề xuất các biện pháp nhưng không sử dụng mô hình định lượng để đánh giá nhân tố ảnh hưởng nên trong phân tích và đánh giá còn có phần hạn chế. Bài nghiên cứu tạo tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo khi đánh giá kết quả tài chính và thu nhập NH tại VN đến 2012 và những năm tiếp theo■

Tài liệu tham khảo

Báo cáo tài chính các ngân hàng VN giai đoạn từ 2007 – 2011.

Chuẩn mực Kế toán VN – Chuẩn mực kế toán 1, 14, 22

Nguyễn Thị Loan (2013), *Năng lực tài chính ngân hàng VN trong xu thế hội nhập quốc tế*, sách chuyên khảo, NXB Kinh tế TP.HCM.

Thông tin thu thập từ Websites www.sbv.gov.vn; www.ssi.com.vn; www.worldbank.org; www.adb.org; www.ssc.gov.vn; www.vneconomy.vn., www.thebanker.com/top1000, www.vcbs.com.vn

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ